



ĐỀ NGHỊ PHÁT HÀNH
THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ VIETCOMBANK KIỆM HỢP ĐỒNG
Số Hợp đồng:.....
Mã số khách hàng tại Vietcombank (CIF):.....

Kính gửi: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank/Ngân hàng) - Chi nhánh
.....

Địa chỉ:..... Điện thoại:.....

Đề nghị Ngân hàng phát hành cho Tôi/Chúng tôi Thẻ tín dụng quốc tế (TDQT) cá nhân theo các thông tin sau:

1. THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ PHÁT HÀNH THẺ TÍN DỤNG

1.1. Hạn mức tín dụng đề nghị:.....

Bằng chữ:.....

1.2. Loại thẻ:

Loại thẻ ¹	Hạn mức thẻ tín dụng đề nghị ²		
	Thẻ chính	Thẻ phụ 1	Thẻ phụ 2
Thẻ Vietcombank Visa Platinum			
Thẻ Vietcombank Vibe Platinum			
Thẻ Vietcombank Vibe			
Thẻ Vietcombank MasterCard World			
Thẻ Vietcombank Mastercard			
Thẻ Vietcombank CashPlus Platinum American Express®			
Thẻ Vietcombank American Express®			
Thẻ Vietcombank Vietnam Airlines Platinum American Express®			
Thẻ Vietcombank Vietnam Airlines American Express®			
Thẻ Vietcombank JCB Platinum			
Thẻ Vietcombank JCB			
Thẻ tín dụng quốc tế khác (đề nghị ghi rõ):			

Mã hội viên đối tác liên kết (trong trường hợp đăng ký phát hành thẻ liên kết):.....

1.3. Đăng ký phát hành nhanh (chỉ áp dụng tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh, dịch vụ có thu phí):

Có Không

1.4. Đăng ký địa chỉ nhận thẻ qua bưu điện:

- Địa chỉ nơi ở hiện tại
- Địa chỉ đơn vị công tác
- Địa chỉ khác (vui lòng ghi rõ):

¹ Chủ thẻ chính vui lòng gạch chéo những thẻ không có nhu cầu phát hành

² Hạn mức thẻ tín dụng ghi bằng số. Ví dụ: 50.000.000 VNĐ

Ghi địa chỉ chi tiết	Phường/Xã	Quận/Huyện	Tỉnh/Thành phố

1.5. Đăng ký nhận sao kê qua buro điện: Email là phương thức nhận sao kê mặc định. Trong trường hợp Chủ thẻ đồng thời muốn nhận sao kê qua buro điện, vui lòng ghi rõ địa chỉ nhận dưới đây:

Ghi địa chỉ chi tiết	Phường/Xã	Quận/Huyện	Tỉnh/Thành phố

Tính năng thanh toán qua internet sẽ được mặc định cung cấp khi thẻ được kích hoạt. Đăng ký đóng tính năng này nếu không có nhu cầu:

Thẻ chính Thẻ phụ 1 Thẻ phụ 2

2. THÔNG TIN CÁ NHÂN CHỦ THẺ CHÍNH (Chủ thẻ)

2.1. Họ và tên³:

2.2. Tên in trên Thẻ⁴:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2.3. Sinh ngày (dd/mm/yyyy):/...../.....

2.4. Giới tính: Nam Nữ

2.5. Quốc tịch: Việt Nam Khác (vui lòng ghi rõ):

2.6. Tình trạng hôn nhân: Chưa kết hôn Đã kết hôn Đã ly hôn Góa
 Đang thực hiện thủ tục ly hôn

2.7. Tình trạng cư trú: Người cư trú
 Người không cư trú⁵. Thời hạn cư trú còn lại tại Việt Nam đối với người không mang quốc tịch Việt Nam: tháng

2.8. Giấy tờ định danh số⁶:	Cấp ngày	Cấp bởi	Hết hạn ngày
<input type="checkbox"/> CMND	(dd/mm/yyyy)	(dd/mm/yyyy)
<input type="checkbox"/> CCCD / ... / / ... /
<input type="checkbox"/> Hộ chiếu / ... / / ... /
 / ... / / ... /

2.9. Loại địa chỉ	Ghi địa chỉ chi tiết	Phường/xã	Quận/huyện	Tỉnh/thành phố
--------------------------	-----------------------------	------------------	-------------------	-----------------------

³ Ghi theo thông tin trên CMND/ CCCD/ Hộ chiếu còn hiệu lực tại thời điểm đề nghị.
⁴ Sử dụng chữ in, tối đa 20 ký tự, gồm cả ký tự trống nhưng không bao gồm ký tự đặc biệt và phải tương đồng với tên trên CMND/CCCD/Hộ chiếu còn hiệu lực tại thời điểm đề nghị.
⁵ Chủ thẻ là người nước ngoài thì phải được phép cư trú tại Việt Nam với thời hạn từ 12 tháng trở lên.
⁶ Hướng dẫn Chủ thẻ chính kê khai thông tin toàn bộ các Giấy tờ định danh còn hiệu lực tại thời điểm đề nghị, trừ trường hợp Quy định về hoạt động Thẻ của Vietcombank có quy định khác.

- Nơi thường trú
 Nơi tạm trú
 Khác

2.10. Nơi ở hiện tại là: Nơi thường trú Nơi tạm trú Khác

2.11. Thời gian cư trú tại nơi ở hiện tại: Từ tháng năm đến tháng năm

- 2.12. Tình trạng nơi ở hiện tại:** Ở nhà sở hữu riêng Ở nhà thuê
 Ở nhà bố mẹ
 Ở nhà sở hữu chung cùng người khác
 Ở nhà do công ty/ đơn vị công tác cung cấp Khác:

2.13. Loại nhà ở (gắn với nơi ở hiện tại):

- Nhà Biệt thự Nhà ở độc lập Nhà ở liền kề Nhà Chung cư

2.14. Thông tin liên lạc: Điện thoại di động Điện thoại nhà riêng Email

2.15. Phương thức liên lạc ưu tiên (chọn 1):

- Điện thoại di động Nhắn tin Email

2.16. Đăng ký Email nêu trên để nhận OTP cho giao dịch trực tuyến 3D Secure: Có Không

2.17. Trình độ học vấn: Trên đại học Đại học Cao đẳng Trung cấp
 Trung học phổ thông Dưới Trung học phổ thông

2.18. Số lượng người phụ thuộc về kinh tế: Dưới 18 tuổi:..... người.
 Từ 18 tuổi trở lên:..... người

2.19. Họ và tên mẹ của Chủ thẻ/ Tên trường tiểu học của Chủ thẻ⁷:.....

3. THÔNG TIN NGHỀ NGHIỆP CHỦ THẺ CHÍNH

3.1. Tên cơ quan/công ty:..... **Mã số thuế:**.....

3.2. Phòng, ban công tác:

3.3. Nghề nghiệp:

3.4. Chức vụ:.....

3.5. Địa chỉ cơ quan/công ty:

Ghi địa chỉ chi tiết	Phường/Xã	Quận/Huyện	Tỉnh/Thành phố

3.6. Điện thoại cơ quan/công ty: **Số máy lẻ:**

3.7. Loại hình cơ Cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước. Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty nhà nước. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức/ cơ quan hành chính nước ngoài tại Việt Nam.
 Tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghiệp. Doanh nghiệp nhà nước được xếp hạng đặc biệt.

⁷ Sử dụng trong trường hợp cần xác nhận thông tin khẩn cấp

- quan công tác:** Đơn vị vũ trang nhân dân. Cơ quan thuộc lĩnh vực tài chính (không bao gồm Ngân hàng thương mại và công ty bảo hiểm). Cơ quan thuộc lĩnh vực tài chính (bao gồm Ngân hàng thương mại và công ty bảo hiểm). Công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, tập đoàn/tổng công ty thuộc khu vực tư nhân. Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập. Khác:....

3.8. Ngành kinh tế của cơ quan hiện tại:

- 3.9. Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng không xác định thời hạn
 Hợp đồng có xác định thời hạn. Thời hạn tháng
 Khác:.....

3.10. Thời gian công tác tại cơ quan/công ty hiện tại:tháng

3.11. Thời gian công tác trong lĩnh vực chuyên môn hiện tại:tháng

- 3.12. Hình thức nhận lương: Tiền mặt
 Chuyển khoản vào tài khoản Vietcombank
 Chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng khác

3.13. Thu nhập bình quân của 03 tháng gần nhất (VND):

Tiền Lương	Tiền thưởng, Phụ cấp nếu có (nếu có)	Thu nhập khác (nếu có)	Tổng thu nhập

3.14. Chi tiêu bình quân hàng tháng (gồm chi phí trả nợ vay, chu cấp, sinh hoạt):..... VND

3.15. Tên cơ quan công tác/công ty trước đây:..... Chức vụ:.....

3.16. Thời gian công tác tại cơ quan/công ty trước đây:tháng

4. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM TÍN DỤNG PHÁT HÀNH THẺ

- Không có bảo đảm
 Bảo đảm bằng tài sản

Loại tài sản	Mô tả tài sản	Giá trị định giá (VND)	Kỳ hạn (nếu có)	Ngày đến hạn	Tên chủ sở hữu tài sản	Quan hệ của chủ sở hữu tài sản với Chủ thẻ chính

Nghĩa vụ của Chủ thẻ phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm sau:.....

Nghĩa vụ của Chủ thẻ phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng còn có thể được bảo đảm bằng (các) biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Vietcombank với Chủ thẻ chính và/hoặc với bên thứ ba mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Chủ thẻ.

- Cam kết bảo lãnh

- Giá trị bảo lãnh:

- Tên Bên bảo lãnh:.....
- Giấy tờ định danh (còn hiệu lực) số:..... Cấp ngày:...../...../..... Cấp bởi.....
- Quan hệ của Bên bảo lãnh với Chủ thẻ chính:.....

5. THANH TOÁN SAO KÊ

5.1. Phương thức thanh toán sao kê:

- Chủ thẻ chủ động thanh toán (qua kênh ngân hàng điện tử của Vietcombank, tiền mặt, chuyển khoản, chuyển tiền liên ngân hàng)
- Ngân hàng chủ động trích (ghi Nợ) tài khoản thanh toán theo thông tin sau:
 - Theo ngày (toàn bộ số tiền giao dịch, phí được cập nhật vào hệ thống)
 - Theo tháng (thanh toán):
 - Số tiền tối thiểu
 - Toàn bộ số dư sao kê

5.2. Số tài khoản thanh toán tại Vietcombank đăng ký thanh toán trích (ghi Nợ) tự động:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

6. THÔNG TIN NGƯỜI LIÊN HỆ KHI CẦN

Trường hợp Vietcombank không liên hệ được trực tiếp với tôi, xin vui lòng liên hệ với người có thông tin dưới đây:

6.1. **Họ và tên:**

6.2. **Quan hệ với chủ thẻ chính** (bố/mẹ/anh/chi/em/vợ/chồng):

6.3. **Địa chỉ nơi ở hiện tại:**

Ghi địa chỉ chi tiết	Phường/Xã	Quận/Huyện	Tỉnh/Thành phố

6.4. **Điện thoại liên hệ:**

7. NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CHỦ THẺ CHÍNH

- Chủ thẻ chính cam kết không có Người có liên quan có quan hệ tín dụng tại Vietcombank .
- Thông tin Người có liên quan của Chủ thẻ chính có quan hệ tín dụng tại Vietcombank được Chủ thẻ chính cung cấp cho Vietcombank theo Phụ lục 01 lập kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kiêm Hợp đồng này.

8. THÔNG TIN CHỦ THẺ PHỤ 1 (Đề nghị gạch chéo nếu không có)

8.1. **Họ và tên⁸:**

8.2. **Tên in trên Thẻ⁹:**

^{8,10} như trên CMND/CCCD/ hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực tại thời điểm đăng ký

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

8.3. Sinh ngày (dd/mm/yyyy):/...../.....

8.4. Giới tính: Nam Nữ

8.5. Quốc tịch: Việt Nam Khác (vui lòng ghi rõ):

8.6. Giấy tờ định danh (còn hiệu lực) số:.....Cấp ngày:...../...../.....Cấp bởi.....

8.7. Địa chỉ nơi ở hiện tại:

Ghi địa chỉ chi tiết	Phường/Xã	Quận/Huyện	Tỉnh/Thành phố

8.8. Điện thoại di động:Email:.....

(Số điện thoại di động và email của Chủ thẻ phụ sẽ được mặc định đăng ký để Chủ thẻ phụ lựa chọn nhận mật khẩu sử dụng 1 lần (OTP) cho giao dịch trực tuyến bằng Thẻ tại đơn vị 3D Secure)

8.9. Tên cơ quan/công ty đang công tác:

8.10. Địa chỉ cơ quan/công ty:

Ghi địa chỉ chi tiết	Phường/Xã	Quận/Huyện	Tỉnh/Thành phố

8.11. Quan hệ với chủ thẻ chính:

9. THÔNG TIN CHỦ THẺ PHỤ 2 (Đề nghị gạch chéo nếu không có)

9.1. Họ và tên¹⁰:

9.2. Tên in trên Thẻ¹¹:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

9.3. Sinh ngày (dd/mm/yyyy):/...../.....

9.4. Giới tính: Nam Nữ

9.5. Quốc tịch: Việt Nam Khác (vui lòng ghi rõ):

9.6. Giấy tờ định danh (còn hiệu lực) số:.....Cấp ngày:...../...../.....Cấp bởi.....

9.7. Địa chỉ nơi ở hiện tại:

Ghi địa chỉ chi tiết	Phường/Xã	Quận/Huyện	Tỉnh/Thành phố

^{9, 11} Sử dụng chữ in, tối đa 20 ký tự, gồm cả ký tự trống nhưng không bao gồm ký tự đặc biệt và phải tương đồng với tên trên CMND/CCCD/Hộ chiếu còn hiệu lực tại thời điểm đăng ký

--	--	--	--

9.8. Điện thoại di động: Email:

Số điện thoại di động và email của Chủ thẻ phụ sẽ được mặc định đăng ký để Chủ thẻ phụ lựa chọn nhận mật khẩu sử dụng 1 lần (OTP) cho giao dịch trực tuyến bằng Thẻ tại đơn vị 3D Secure.

9.9. Tên cơ quan/công ty đang công tác:

9.10. Địa chỉ cơ quan/công ty:

Ghi địa chỉ chi tiết	Phường/Xã	Quận/Huyện	Tỉnh/Thành phố

9.11. Quan hệ với chủ thẻ chính:

10. CAM KẾT CỦA CHỦ THẺ

Bằng cách ký vào phần dưới đây, Tôi xác nhận và cam kết rằng:

- 10.1. Mọi thông tin tôi cung cấp cho Vietcombank tại đề nghị này là đầy đủ và trung thực.
- 10.2. Các thông tin số điện thoại và địa chỉ email đăng ký tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng này sẽ được sử dụng để đăng ký với Vietcombank¹² các dịch vụ Ngân hàng điện tử, gửi OTP và/hoặc thông báo giao dịch thẻ và/hoặc thông báo/quảng cáo của Vietcombank về sản phẩm dịch vụ cho Tôi/Chúng tôi. Trường hợp có sự khác nhau giữa số điện thoại đăng ký tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng và số điện thoại đã đăng ký các dịch vụ Ngân hàng điện tử (VCB-SMS Banking, VCB Digibank) của Tôi/Chúng tôi, thì số điện thoại đã đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử là số điện thoại Vietcombank gửi thông báo giao dịch và/hoặc mật khẩu sử dụng một lần (OTP) cho giao dịch trực tuyến bằng Thẻ tại đơn vị 3D Secure.
- 10.3. Tôi đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết sử dụng Thẻ đúng theo quy định theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank (áp dụng cho khách hàng cá nhân). Tôi hiểu rằng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank (áp dụng cho khách hàng cá nhân) trong từng thời kỳ cùng với Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng này và (các) Phụ lục đính kèm sẽ tạo thành một Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank.
- 10.4. Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank (áp dụng cho khách hàng cá nhân) được công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng (www.vietcombank.com.vn) hay tại bất kỳ điểm giao dịch nào hoặc được cung cấp bởi Trung tâm hỗ trợ khách hàng của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tôi/Chúng tôi chịu trách nhiệm cập nhật Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank (áp dụng cho khách hàng cá nhân) nói trên theo từng thời kỳ trên Trang thông tin điện tử chính thức của Vietcombank và/hoặc các kênh cung cấp dịch vụ của Vietcombank.
- 10.5. Tôi/Chúng tôi cam kết việc kích hoạt thẻ theo các phương thức điện tử mà Vietcombank áp dụng theo từng thời kỳ sẽ được chính Tôi/Chúng tôi thực hiện. Khi đó, Vietcombank hiểu rằng Tôi/Chúng tôi đã nhận được thẻ và tôi chịu trách nhiệm đối với các giao dịch phát sinh theo việc kích hoạt thẻ này.

¹² Trường hợp Chủ thẻ chưa đăng ký các dịch vụ Ngân hàng điện tử, Chủ thẻ sẽ đăng ký các dịch vụ Ngân hàng điện tử (VCB-SMS Banking và/hoặc VCB Digibank) tại thời điểm Chủ thẻ đăng ký phát hành Thẻ theo Đề nghị này.

- 10.6. Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Chủ thẻ (nếu có) được hình thành hợp pháp, hợp lệ, không có tranh chấp, và thuộc sở hữu, sử dụng hợp pháp của Bên bảo đảm.
- 10.7. Nguồn tiền dùng để thực hiện nghĩa vụ thanh toán/trả nợ, nghĩa vụ tài chính khác là hợp pháp, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ cấm vận.
- 10.8. Đồng ý để Vietcombank thực hiện tra cứu thông tin về Chủ thẻ tại các bên thứ ba có liên quan; xác thực các thông tin về Chủ thẻ từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà Vietcombank có được để phục vụ mục đích thẩm định. Vietcombank có quyền thu thập và sử dụng thông tin về Chủ thẻ bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Chủ thẻ cung cấp để cung cấp cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các đối tác hợp tác với Vietcombank để phát triển, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Vietcombank, hoặc sử dụng thông tin với mục đích nghiên cứu, đánh giá để hiểu về nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ ngân hàng của chủ thẻ phục vụ các nghiệp vụ ngân hàng.
- 10.9. Bất kỳ Thẻ tín dụng quốc tế nào mà Vietcombank cung cấp cho Tôi/Chúng tôi, bao gồm thẻ chính và (các) thẻ phụ sẽ không được sử dụng trong bất kỳ hành vi hoặc mục đích nào trái với pháp luật. Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng (các) thẻ trên để thanh toán tiền mua các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài.
- 10.10. Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng này được lập 01 bản gốc và do Ngân hàng giữ.

....., ngày..... tháng năm 20

Chủ thẻ chính

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG

1. Thông tin đề xuất nhu cầu tín dụng

CHI NHÁNH:

Tên Cán bộ Quan hệ khách hàng (RM/PBO):

Mã cán bộ:

Kênh bán:

Chi nhánh

Đại lý

Điện tử

Khác. Cụ thể:....

PHÒNG:

Số điện thoại:

Email:

Trung tâm dịch vụ khách hàng

Mã Sản phẩm:

Hạn mức tín dụng: (VND)

Thời hạn duy trì hạn mức:

Thời hạn hiệu lực thẻ tín dụng:

Sản phẩm bán kèm: (nếu có)

Tên sản phẩm:

Bằng chữ:

2. Xác nhận

Khi ký đề xuất nhu cầu tín dụng này, với kỹ năng, kiến thức, chuẩn mực nghề nghiệp của Tôi, Tôi xin cam kết đã kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của hồ sơ do Chủ thẻ cung cấp so với quy định, các hướng dẫn, cảnh báo của Vietcombank.

....., ngày tháng năm

Cán bộ Quan hệ khách hàng (RM/PBO)

(ký và ghi rõ họ tên)

Tôi/Chúng tôi đã kiểm tra, kiểm soát các nội dung được trình bày trên đây và hồ sơ kèm theo trước khi ký đề xuất nhu cầu tín dụng này¹³.

....., ngày tháng năm

Lãnh đạo Phòng Khách hàng/Phòng Giao dịch

(ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

Lãnh đạo Chi nhánh

(ký và ghi rõ họ tên)

¹³ Trường hợp khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Trụ sở chính.

3. Xác nhận cấp tín dụng và phát hành thẻ tín dụng

Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho Chủ thẻ để phát hành và sử dụng Thẻ Tín dụng theo các thông tin đã đăng ký tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng của Chủ thẻ. Thông tin cấp tín dụng và phát hành thẻ như sau:

Hạn mức tín dụng:(Bằng chữ:.....)

Thời hạn duy trì hạn mức:.....

Thời hạn hiệu lực thẻ tín dụng:.....

Lãi suất:....., mức lãi suất này có thể thay đổi theo thông báo của Vietcombank trong từng thời kỳ.

....., Ngày thángnăm

Đại diện hợp pháp Vietcombank

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 01

THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CHỦ THẺ CHÍNH THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ QUY ĐỊNH CỦA VIETCOMBANK

Kèm theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm Hợp đồng ngày

	Phân loại người có liên quan của Chủ thẻ chính (Chủ thẻ)	Tên tổ chức/ cá nhân	Mã số thuế/ Số ĐKKD/ Mã số DN (với tổ chức) CMND/CCCD/Hộ chiếu (với cá nhân)¹⁴	Địa chỉ trụ sở chính (với tổ chức) Địa chỉ cư trú (với cá nhân)	Quan hệ với Chủ thẻ chính¹⁵
<input type="checkbox"/>	Công ty hoặc Tổ chức tín dụng mà Chủ thẻ sở hữu từ 5% Vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.				
<input type="checkbox"/>	Tổ chức ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Chủ thẻ				
<input type="checkbox"/>	Cá nhân cùng với Chủ thẻ được một tổ chức ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần tại một tổ chức khác				
<input type="checkbox"/>	Cá nhân được Chủ thẻ ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần				
<input type="checkbox"/>	Công ty con mà Chủ thẻ là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ ¹⁶ .				
<input type="checkbox"/>	Công ty con mà Chủ thẻ có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ.				
<input type="checkbox"/>	Công ty hoặc Tổ chức tín dụng mà Chủ thẻ là người quản lý ¹⁷ , thành viên Ban kiểm soát				
<input type="checkbox"/>	Cá nhân có mối quan hệ gia đình ¹⁸ với Chủ thẻ				
<input type="checkbox"/>	Công ty hoặc Tổ chức tín dụng mà Chủ thẻ là người có quan hệ gia đình với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát.				
<input type="checkbox"/>	Công ty/Tổ chức tín dụng mà Chủ thẻ có mối quan hệ gia đình với thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc Tổ chức tín dụng đó				

¹⁴ Trường hợp có cả CMND/CCCD và Hộ chiếu thì ghi thông tin của cả CMND/CCCD và Hộ chiếu còn hiệu lực tại thời điểm đề nghị

¹⁵ Ghi tỷ lệ góp vốn, quan hệ điều hành, kiểm soát, quan hệ khác ...

¹⁶ Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; (ii) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; (iii) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

¹⁷ Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

¹⁸ Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.